TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2020/KDTM-ST
Ngày 09/3/2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Trang.**

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Dương Tấn Đấu**

Ông **Nguyễn Phước Lộc**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Cẩm Duyên-** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 18/2019/TLST-KDTM ngày 25 tháng 10 năm 2019, về Tranh chấp tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N (A)**.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên A.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê S** - Giám đốc A chi nhánh Phú Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Lê S: Bà **Lê Thị Hồng N** – Trưởng phòng tín dụng A chi nhánh Phú Quốc.

Địa chỉ: Số 2 Trần Hưng Đạo, khu phố 2, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T.**

Địa chỉ: L14-4 khu 16ha, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 225 Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Bùi Thị T1**, sinh năm 1953. (Vắng mặt)

Địa chỉ: L14-4 khu 16ha, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: Số 225 Quang Trung, phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

(Bà N, ông T có mặt. Bà T1 có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Đại diện nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:*

Vào ngày 28/8/2012 Ngân hàng N - Chi nhánh Phú Quốc (gọi tắt là A chi nhánh Phú Quốc), cho Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T (gọi tắt là Chủ DNTN H) vay số tiền 11.000.000.000 đồng thể hiện qua hai hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD và 201200962/HĐTD cụ thể như sau:

Tại hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD với số tiền vay: 4.000.000.000 đồng, trong thời gian cho vay là 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay là 15,5%/năm, ngày 15/8/2014 điều chỉnh lãi suất cho vay là 13%/năm, ngày 22/5/2019 điều chỉnh lãi suất cho vay là 9,2%/năm theo Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo HĐTD số 7790-LAV-201200964 ngày 28/08/2012, ngày 14/10/2013 điều chỉnh thời hạn cho vay mới 12 tháng kể từ ngày 15/08/2013 đến ngày 15/8/2014, ngày 11/8/2014 điều chỉnh thời hạn cho vay mới 48 tháng kể từ ngày 15/8/2014 đến ngày 15/8/2018 theo phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo HĐTD số 7790-LAV-201200964, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại. Mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động.

Để đảm bảo cho khoản vay 4.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD, khách hàng đã thế chấp cho Ngân hàng 02 Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, 01 chiếc xe du lịch thể hiện ở 03 hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 080214082012/HĐTC ngày 15/08/2012, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số BG777440, số vào sổ CH00635, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 10925m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BG777440 đứng tên ông Nguyễn Thành T. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/08/2012.

+ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 08320409/HĐTC ngày 22/04/2009, Phụ lục Hợp đồng số 08320409/PLHĐ ngày 28/08/2012, Phụ lục Hợp đồng kèm theo Hợp đồng thế chấp số 08320409/HĐTC ngày 23/07/2015, tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất số AI554176, số vào sổ H00662, đất tọa lạc tại ấp I, xã Hòn Tre, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, diện tích 138.3m^2. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 04/05/2009.

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số 08300409 ngày 22/04/2009, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe du lịch, xe Innova biển số 68H7448. Đã đăng ký giao dịch bảo đảm.

Để thực hiện hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD, ngày 01/08/2012 A chi nhánh Phú Quốc đã giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng thể hiện ở phụ lục theo dõi cho vay - thu nợ kèm theo hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD ngày 28/8/2012.

Trong quá trình vay vốn, Chủ DNTN H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ được quy định trong hợp đồng tín dụng. A chi nhánh Phú Quốc đã gửi giấy báo, thư mời đến nhắc nợ nhiều lần, cử cán bộ đến gặp trực tiếp ông T yêu cầu ông T trả nợ. Trong quá trình làm việc với ông T thể hiện ở biên bản thỏa thuận xử lý nợ vay giữa ông T và A chi nhánh Phú Quốc, hai bên đã thoả thuận bán 02 tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất số AI554176 và chiếc xe Innova biển số 68H7448 để trả nợ cho A chi nhánh Phú Quốc. Nhưng ông T vẫn chưa trả được hết số nợ còn thiếu cho A chi nhánh Phú Quốc. Tính đến ngày 09/3/2020, số tiền gốc Chủ DNTN H còn nợ A chi nhánh Phú Quốc là 3.580.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 2.355.198.000 đồng, lãi quá hạn 518.932.333 đồng, lãi chậm trả 1.163.077.379 đồng. Tổng cộng là 15.681.028.674 đồng.

Tại Hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD với số tiền vay: 7.000.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất cho vay là 16%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại,

kể từ ngày 15/8/2014 điều chỉnh lãi suất cho vay là 13%/năm, ngày 22/5/2019 điều chỉnh lãi suất cho vay là 10,2%/năm, thay đổi thời gian cho vay là 36 tháng từ ngày 15/8/2014 đến ngày 18/8/2017 thể hiện trong phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo HĐTD số 201200962/HĐTD. Mục đích vay vốn là sửa chữa nâng cấp nhà máy nước đá Hải Sơn.

Để đảm bảo cho khoản vay 7.000.000.000 đồng Chủ DNTN H đã thế chấp cho A chi nhánh Phú Quốc 02 tài sản thể hiện ở 02 hợp đồng thế chấp tài sản, cụ thể:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0826032008/HĐTC ngày 02/4/2008 và phụ lục hợp đồng kèm theo số 0826032008/PLHĐ ngày 28/8/2012, thế chấp toàn bộ tài sản trên đất bao gồm nhà xưởng và dây truyền sản xuất nước đá của nhà máy nước đá H.

+ Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 0826032008/HĐTC ngày 02/4/2008, phụ lục hợp đồng kèm theo số 0826032008/PLHĐ ngày 28/8/2012, phụ lục hợp đồng kèm theo số 0826032008/PLHĐ ngày 23/7/2015, thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số W506953.

Thực hiện hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD, A chi nhánh Phú Quốc đã giải ngân khoản vay 7.000.000.000 đồng cho DNTN Nhà Máy Nước Đá H thể hiện ở phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD ngày 28/8/2012.

Trong quá trình vay vốn, Chủ DNTN H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ. A chi nhánh Phú Quốc đã gửi giấy báo, thư mời đến nhắc nợ nhiều lần, cử cán bộ đến gặp trực tiếp ông T yêu cầu ông Tông trả nợ. Trong quá trình làm việc với ông T thể hiện ở biên bản thỏa thuận xử lý nợ vay giữa ông T và A chi nhánh Phú Quốc, hai bên đã thoả thuận bán 02 tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất số W506953 và toàn bộ nhà xưởng và dây chuyền sản xuất nước đá. Nhưng ông T vẫn chưa trả được hết số nợ còn thiếu cho A chi nhánh Phú Quốc. Tính đến ngày 09/3/2020, số tiền gốc Chủ DNTN H còn nợ A chi nhánh Phú Quốc là 2.550.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 3.089.513.333 đồng, lãi quá hạn 557.027.500 đồng, lãi chậm trả 1.867.280.129 đồng. Tổng cộng là 8.063.820.962 đồng.

Như vậy, tại hai hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD, 201200962/HĐTD và các phụ lục Hợp đồng tín dụng kèm theo số tiền Chủ DNTN H còn nợ Ngân hàng tạm tính đến 09/3/2020 là 15.681.028.674 đồng (trong đó: Nợ gốc là 6.130.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.444.711.333 đồng, lãi quá hạn 1.075.959.833 đồng, lãi chậm trả 3.030.357.508 đồng).

Tài sản bảo đảm thế chấp hiện tại còn lại là Quyền sử dụng đất số BG777440, số vào sổ CH00635, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 10.925m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

Do đó Ngân hàng yêu cầu:

Chủ DNTN H - Ông Nguyễn Thành T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 09/3/2020 là 12.650.671.166 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 09/3/2020 đến ngày ông Nguyễn Thành T trả hết nợ gốc cho A. Đối với tiền lãi chậm trả của hai hợp đồng là 3.030.357.508 đồng thì ngân hàng xin rút yêu cầu.

Nếu đến hạn trả nợ Chủ DNTN H - Ông Nguyễn Thành T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng thì phía ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự huyện Phú Quốc phát mãi tài sản mà Chủ DNTN H - Ông Nguyễn Thành T đã thế chấp cho ngân hàng là Quyền sử dụng đất số BG777440, số vào sổ CH00635, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 10.925m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn 400m^2, đất trồng cây lâu năm 10525m^2, thời hạn sử dụng: đất ở: lâu dài, đất trồng cây lâu năm: 10/2048 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất để thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

** Bị đơn Chủ DNTN nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T trình bày:* Việc ký kết các hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng và hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn tại A chi nhánh Phú Quốc như đại diện Ngân hàng trình bày. Chủ DNTN H - Ông Nguyễn Thành T thừa nhận tính đến ngày 09/3/2020 Chủ DNTN H còn nợ A chi nhánh Phú Quốc tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tổng số tiền 12.650.671.166 đồng.

Nay đồng ý trả nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD với số tiền là 3.580.000.000 đồng nhưng xin trả trong thời hạn 01 năm. Còn nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD với số tiền là 2.550.000.000 đồng và tiền lãi của 02 hợp đồng này thì tôi xin ngân hàng miễn, giảm cho tôi.

Tôi không đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất số BG777440, số vào sổ CH00635, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 10.925m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Quyền sử dụng đất này hiện do tôi quản lý, sử dụng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T1* vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà T1.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc* phát biểu quan điểm về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn đối với tiền lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**]. **Về tố tụng**:

Tại Điều 13 Hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD và Hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD các đương sự thống nhất chọn Tòa án nơi bên A (Bên cho vay - Chi nhánh ngân hàng N Phú Quốc) đóng trụ sở giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết cả Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn N (A), người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K đã ủy quyền cho ông Lê S, ông S ủy quyền lại cho bà N. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận bà N làm đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn và tiến hành xét xử vắng mặt bà T1.

[**2**]. **Về nội dung**:

Ngày 28/8/2012, Chủ doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - ông Nguyễn Thành T ký 02 hợp đồng tín dụng để vay số tiền 11.000.000.000đồng. Cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 201200964 vay A Chi nhánh Phú Quốc số tiền 4.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động; thời gian cho vay là 12 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay là 15,5%/năm, ngày 15/8/2014 điều chỉnh lãi suất cho vay là 13%/năm, ngày 22/5/2019 điều chỉnh lãi suất cho vay là 9,2%/năm theo Phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo HĐTD số 7790-LAV-201200964 ngày 28/08/2012, ngày 14/10/2013 điều chỉnh

thời hạn cho vay mới 12 tháng kể từ ngày 15/08/2013 đến ngày 15/8/2014, ngày 11/8/2014 điều chỉnh thời hạn cho vay mới 48 tháng kể từ ngày 15/8/2014 đến ngày 15/8/2018 theo phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo HĐTD số 7790-LAV-201200964, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại. Ngày hết thời hạn hợp đồng là ngày 15/8/2018.

- Hợp đồng tín dụng số 201200962 vay A Chi nhánh Phú Quốc số tiền 7.000.000.000 đồng; mục đích vay: Sửa chữa nâng cấp nhà máy nước đá H; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất cho vay là 16%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại, kể từ ngày 15/8/2014 điều chỉnh lãi suất cho vay là 13%/năm, ngày 22/5/2019 điều chỉnh lãi suất cho vay là 10,2%/năm, thay đổi thời gian cho vay là 36 tháng từ ngày 15/8/2014 đến ngày 18/8/2017 thể hiện trong phụ lục hợp đồng tín dụng kèm theo HĐTD số 201200962/HĐTD. Ngày hết thời hạn hợp đồng là ngày 18/8/2017.

Xét thấy tại Biên bản làm việc về việc xử lý nợ vay ngày 15/5/2019, giữa ngân hàng và Chủ DNTN nhà máy nước đá H đã xác nhận hợp đồng tín dụng số 2012000962 tính đến ngày 15/8/2017 dư nợ 2.550.000.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 201200964 tính đến ngày 15/8/2013 dư nợ 3.580.000.000 đồng. Tính đến ngày 31/7/2019, DNTN nhà máy nước đá H còn nợ A nợ gốc 6.130.000.000 đồng và tiền lãi 8.381.131.603 đồng. Tổng cộng 14.511.131.603 đồng.

Tại phiên tòa, bà N đại diện cho ngân hàng A cho rằng tính đến ngày 09/3/2020 DNTN nhà máy nước đá H còn nợ A nợ gốc 6.130.000.000đồng, tiền lãi trong hạn 5.444.711.333 đồng, lãi quá hạn 1.075.959.833 đồng. Tổng cộng 12.650.671.166 đồng. Chủ DNTN nhà máy nước đá H thống nhất với số nợ gốc và lãi của hai hợp đồng.

Xét thấy, việc ký kết các giao dịch nêu trên của Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - ông Nguyễn Thành T với Agribank Chi nhánh Phú Quốc là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định pháp luật.

Do Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - ông Nguyễn Thành T không thanh toán nợ gốc khi đến hạn, nên A khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và trả lãi là đúng với Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng và quy định tại Bộ luật dân sự. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của A, buộc Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - ông Nguyễn Thành T phải trả cho A nợ gốc của hai hợp đồng số tiền 6.130.000.000đồng và nợ lãi trong hạn và quá hạn là phù hợp thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng và đúng quy định pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp còn lại là Quyền sử dụng đất số BG777440, số vào sổ CH00635, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã

Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 10.925m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất mặc dù Chủ DNTN nhà máy nước đá H không đồng ý để A xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ nhưng xét thấy quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay 4.000.000.000 đồng thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 080214082012/HĐTC ngày 15/8/2012 của bên thế chấp ông Nguyễn Thành T và bà Bùi Thị T1, với bên nhận thế chấp là A chi nhánh Phú Quốc. Do Chủ DNTN nhà máy nước đá H vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay trong suốt thời gian dài, dù đã được A nhắc nhở, tạo điều kiện trả nợ nhiều lần nhưng vẫn chưa thanh toán được nên căn cứ vào Điều 7 của Hợp đồng thế chấp số 080214082012, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của A để thu hội nợ là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Chủ DNTN nhà máy nước đá chỉ đồng ý trả nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD với số tiền là 3.580.000.000 đồng nhưng xin trả trong thời hạn 01 năm. Còn nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD với số tiền là 2.550.000.000 đồng và tiền lãi của 02 hợp đồng này thì xin ngân hàng miễn, giảm không được A chấp nhận nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

Đối tiền lãi chậm trả của hợp đồng tín dụng số 2012000962 là 1.867.280.129 đồng và tiền lãi chậm trả của hợp đồng tín dụng số 201200964 là 1.163.077.379 đồng do A rút yêu cầu nên đình chỉ.

[**3**]. **Về án phí:**

Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho Ngân hàng N là 120.650.671 đồng (Trên 4 tỷ đồng = 112.000.000 đồng + (phần vượt 4 tỷ đồng là 8.650.671.116 đồng x 0,1%).

Ngân hàng N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.399.398 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, 228, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 317, 320 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị Quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[**1**]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T.

[**2**]. Buộc Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số tiền là 12.650.671.166 đồng (Mười hai tỷ, sáu trăm năm mươi triệu, sáu trăm bảy mươi mốt nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: tiền gốc 6.130.000.000 đồng, lãi trong hạn 5.444.711.333 đồng, lãi quá hạn 1.075.959.833 đồng.

Kể từ ngày 10/3/2020 Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T còn phải trả cho Ngân hàng N khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 201200962/HĐTD ngày 28/8/2012 và hợp đồng tín dụng số 201200964/HĐTD ngày 28/8/2012 (Kèm theo phục lục hợp đồng) trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ.

[**3**]. Đình chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả của Ngân hàng N đối với Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T.

[**4**]. Trường hợp Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T không thi hành trả được số tiền cả gốc và lãi nêu trên, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp 080214082012/HĐTC ngày 15/8/2012 được ký kết giữa A Phú Quốc với ông Nguyễn Thành T, bà Bùi Thị T1, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất số BG777440, số vào sổ CH00635, thửa đất số 411, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: ấp Vĩnh Hòa 2, xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, diện tích 10.925m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất.

(Quyền sử dụng đất trên hiện do ông Nguyễn Thành T đứng tên và đang quản lý sử dụng).

[**5**]. **Về án phí:**

Chủ Doanh nghiệp tư nhân nhà máy nước đá H - Ông Nguyễn Thành T phải nộp án phí có giá ngạch là 120.650.671 đồng (Làm tròn: Một trăm hai mươi triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngân hàng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.399.398 đồng (Sáu mươi triệu, ba trăm chín mươi chín nghìn, ba trăm chín mươi tám đồng) theo biên lai thu tiền số 0006787 ngày 17/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Phú Quốc;
- T.H.A DS huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Trang